TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
Tỉnh Bến Tre
Bản án số:**68**/2021/DS-ST
Ngày: 24/12/2021
V/v tranh chấp "*Hợp đồng mua bán tài sản*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Triết.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Văn Hiện
2. Ông Nguyễn Văn Tưởng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre.

Ngày 24 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 187/2021/TLST-DS ngày 21/6/2021 về tranh chấp"*Hợp đồng mua bán tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2021/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2021/QĐST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Minh V, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Số 25/5, ấp T M, xã MA, P, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt có đơn)

2. Bị đơn: Ông Hồ Văn V, sinh năm 1970. (vắng mặt có đơn)
Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1975. (vắng mặt)
Cùng cư trú: Số 190/4, ấp TM, xã MA, P, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 09/6/2021, đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 17/12/2021 nguyên đơn ông Phạm Minh V trình bày:

Vào năm 2016 ông Hồ Văn V và bà Nguyễn Thị D có đến cửa hàng của ông Vđể mua thức ăn và hóa chất phục vụ cho nuôi tôm. Qua nhiều vụ nuôi, ông Vlén lút thu tôm, lấy tiền tiêu xài chỉ trả cho ông Vui số ít còn lại. Tổng kết lại ôngV, bà Dcòn nợ ông V số tiền nợ gốc là 60.934.000 (Sáu mươi triệu, chín trăm ba mươi bốn nghìn) đồng, qua nhiều lần tìm ôngV để thương lượng giải quyết nhưng không thành.

Nay ông Vyêu cầu Tòa án giải quyết buộc ôngV và bà Dcó nghĩa vụ liên đới trả cho ông V một lần tổng số tiền 81.163.000 (Tám mươi mốt triệu, một trăm sáu mươi ba nghìn) đồng.

Trong đó:
- Nợ gốc 60.934.000đồng.

- Tiền lãi từ ngày 11/7/2018 đến ngày 12/5/2021 là 34 tháng), mức lãi suất 0,83%/tháng với số tiền là 17.195.000 đồng (tính chẵn).

- Tiền lãi từ ngày 30/5/2021 đến ngày 30/11/2021 là 06 tháng), mức lãi suất 0,83%/tháng với số tiền là 3.034.000 đồng (tính chẵn).

Tại phiên tòa bị đơn ông Hồ VănV, bà Nguyễn Thị Dvắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 07/7/2021 bị đơn ôngV trình bày:.

ÔngV thừa nhận hiện nay ôngV và bà Nguyễn Thị Dcòn nợ ông Phạm Minh Vsố tiền mua thức ăn và hóa chất phục vụ cho nuôi tôm, với vốn gốc là 60.934.000 (Sáu mươi triệu, chín trăm ba mươi bốn nghìn) đồng. ÔngV và bà Dđồng ý có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Vui số tiền nợ gốc này nhưng xin trả dần hàng năm là 10.000.000 đồng, trả đến khi nào dứt nợ, thời gian bắt đầu trả là năm 2022. Còn về phần lãi suất, ôngV đồng ý trả mức lãi suất 0,83%/tháng theo yêu cầu của ông V nhưng xin không trả lãi do hoàn cảnh khó khăn.

ÔngV thừa nhận việc mua thức ăn và hóa chất phục vụ cho nuôi tôm này là sử dụng cho mục đích chung của gia đình. ÔngV và bà Dhiện nay là vợ chồng hợp pháp có đăng ký kết hôn tại UBND xã MA. .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Phạm Minh Vtranh chấp hợp đồng mua bán tài sản với bị đơn ông Hồ VănV, bà Nguyễn Thị Dtheo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Phạm Minh V, bị đơn ông Hồ VănV có đơn xin vắng mặt; bị đơn bà Nguyễn Thị Dvắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Hợp đồng mua bán tài sản giữa nguyên đơn ông Phạm Minh Vvới bị đơn ông Hồ VănV, bà Nguyễn Thị Dđược giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc; cả hai đều có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên xem là hợp đồng hợp pháp theo quy định tại các Điều 430, 431, 432, 433, 434 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung: Qua tố tụng tại Tòa án bị đơn ông Hồ VănV đã thừa nhận hiện nay ôngV và bà Nguyễn Thị Dcòn nợ ông Phạm Minh Vtiền mua thức ăn và hóa chất phục vụ cho nuôi tôm với số tiền vốn là 60.934.000 (Sáu mươi triệu, chín trăm ba mươi bốn nghìn) đồng. ÔngV và bà Dđồng ý có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Vui số tiền nợ gốc này nhưng xin trả dần hàng năm là 10.000.000 đồng, trả đến khi nào dứt nợ, thời gian bắt đầu trả là năm 2022. Còn về phần lãi suất, ôngV đồng

ý trả mức lãi suất 0,83%/tháng theo yêu cầu của ông V nhưng xin không trả lãi do hoàn cảnh khó khăn.

Xét thấy do ôngV, bà Dđã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên việc ông V yêu cầu trả vốn và lãi chậm trả là phù hợp. Ông Hồ VănV đã thừa nhận là ôngV và bà Dcòn nợ ông Phạm Minh Vsố tiền nợ gốc 60.934.000 (Sáu mươi triệu, chín trăm ba mươi bốn nghìn) đồng và yêu cầu tính lãi của ông Vui, nên căn cứ quy định tại các Điều 430, 431, 432, 433, 434 Bộ luật dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Minh Vbuộc ông Hồ VănV, bà Nguyễn Thị Dcó nghĩa vụ liên đới trả cho ông Vui tổng số tiền 81.163.000 (Tám mươi mốt triệu, một trăm sáu mươi ba nghìn) đồng.

Xét yêu cầu xin trả dần của ôngV không được ông Vui đồng ý nên Tòa án không chấp nhận yêu cầu xin trả dần của ôngV.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên ôngV, bà Dphải có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Số tiền án phí ôngV, bà Dcó nghĩa vụ liên đới nộp (81.163.000 đồng x 5%) là: 4.058.150đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 147, 227, 228, 238, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 430, 431, 432, 433, 434 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Minh V. Buộc ông Hồ VănV, bà Nguyễn Thị Dphải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Vui số tiền 81.163.000 (Tám mươi mốt triệu, một trăm sáu mươi ba nghìn) đồng.

Kể từ ngày Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hồ VănV, bà Nguyễn Thị Dcó nghĩa vụ liên đới nộp: 4.058.150đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ông Phạm Minh Vđược Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.953.225đồng theo biên lai thu số 0005230, ngày 18 tháng 6 năm 2021.

Đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Hồ Thị Triết

Nơi nhận:
- VKSND huyện P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).